TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2015/HNGĐ - ST
Ngày: 08/5/2025.
"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Hồng Trường.
- *Các hội thẩm nhân dân:*
1/. Ông Phạm Xuân Vinh.
2/. Ông Nguyễn Văn Hải.
- *Thư ký phiên toà*: Bà Nông Thị Lường.
Là: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*
Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 83/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2025. Về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2015/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Nguyễn T. Sinh năm: 1974.
Địa chỉ: Thôn 8, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn**: Bà Lê Thị N. Sinh năm: 1972.
Địa chỉ: Thôn 8, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2015, tại bản tự khai ngày 25/3/2025 và trong quá trình hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày:

Ông T và bà Lê Thị N tìm hiểu vào năm 1994 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Ông T và bà N đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau

Xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy ông T có nguyện vọng về tình cảm là yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để không công nhận ông Nguyễn T và bà Lê Thị N là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông T và bà N có 03 (Ba) con chung là Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 19/6/1996, Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 06/02/1998 và cháu Nguyễn Văn Quốc Đ, sinh ngày 27/9/2003. Hiện nay đều đã thành niên và đã sống tự lập được, vì vậy không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Ông Nguyễn T và bà Lê Thị N tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/3/2025, trong quá trình hòa giải bị đơn bà Lê Thị N trình bày: Bà N và ông Nguyễn T vào năm 1994 tìm hiểu trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình nhau, thường xuyên cải vã xúc phạm lẫn nhau, sống ly thân với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc gì với nhau.

Nay ông Nguyễn T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà N và ông T là vợ chồng thì bà N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà N và ông T là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà N và ông T có 03 (Ba) con chung, tên là Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 19/6/1996, Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 06/02/1998 và cháu Nguyễn Văn Quốc Đ, sinh ngày 27/9/2003. Hiện nay các con chung đều đã thành niên và đã sống tự lập được, không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn T, bị đơn bà Lê Thị N đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000: Không công nhận ông Nguyễn T và bà Lê Thị N là vợ chồng.

Đối với con chung, tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của ông Nguyễn T đề ngày 18/02/2015, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Không công nhận quan hệ vợ chồng", được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông T, bà N. Tuy nhiên ông T, bà N đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn T và bà Lê Thị N.

- Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T và bà Lê Thị N quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình về chung sống với nhau từ năm 1994 cho đến nay trên cơ sở tình yêu tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm chế độ hôn nhân và gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn T, bị đơn bà Lê Thị N đều có nguyện vọng yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để không công nhận ông Nguyễn T và bà Lê Thị N là vợ chồng.

Tại biên bản xác minh ngày 28/3/2025 của UBND xã Krông Búk, huyện Krông Pắc đã xác định: Ông Nguyễn T và bà Lê Thị N xây dựng gia đình với nhau vào năm 1994 tại thôn 8, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và sinh được 03 người con là cháu Nguyễn Thị Thu N sinh năm 1996, Nguyễn Thị Thùy T sinh năm 1998 và cháu Nguyễn Văn Quốc Đ sinh năm 2003 nhưng cho đến nay ông T, bà N không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương UBND xã K. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội để chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T, tuyên bố không công nhận ông Nguyễn T và bà Lê Thị N là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn T và bà Lê Thị N có 03 (Ba) con chung là Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 19/6/1996, Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 06/02/1998 và cháu Nguyễn Văn Quốc Đ, sinh ngày 27/9/2003.

Hiện nay 03 (Ba) con chung của ông T, bà N đều đã thành niên và đã sống tự lập được. Ông T, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Ông Nguyễn T và bà Lê Thị N tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 235 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn T và bà Lê Thị N là vợ chồng.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn T và bà Lê Thị N có 03 (Ba) con chung là Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 19/6/1996, Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 06/02/1998 và cháu Nguyễn Văn Quốc Đ, sinh ngày 27/9/2003.

Hiện nay 03 (Ba) con chung của ông T, bà N đều đã thành niên và đã sống tự lập được. Ông T, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Ông Nguyễn T và bà Lê Thị N tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] **Về án phí**: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông Nguyễn T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003062, ngày 06/3/2025.

[5] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự (Vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Trường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện Krông Pắc
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.